

Bản án số: 08/2019/HC-PT

Ngày 07 - 01 - 2019

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính
trong quản lý Nhà nước về đất đai.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Tô Chánh Trung;
Ông Lê Hoàng Tấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 52/2017/HCPT ngày 31 tháng 3 năm 2017 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong quản lý Nhà nước về đất đai”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HCST ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 319/QĐXX-PT ngày 05 tháng 6 năm 2017, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Hữu H, sinh năm 1974. (có mặt)

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Phạm Thị Lệ Th, sinh năm 1980. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện theo pháp luật: Chủ tịch UBND huyện C – ông Nguyễn Tuấn Th. (có văn bản xin xét xử vắng mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Võ Văn Th – Phó trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C. (có mặt)

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1969.

Địa chỉ: ấp 3, xã A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Đức T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: cư xá Th, Phường 27, quận B1, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

- *Người kháng cáo:* Ông Nguyễn Văn B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Người khởi kiện ông Phạm Hữu H trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 1819, tờ bản đồ số 1, loại đất lúa, diện tích 1.900m², đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C là của ông Phạm Văn T1, ông T1 chết để lại cho ông Phạm Văn B1 và ông B1 chết để lại cho ông Phạm Hữu H. Năm 2015, cha ông H chết, ông H xin chuyển quyền sử dụng đất sang cho ông H thì phát hiện thửa đất 1819 đã được cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn B, nguồn gốc do ông B được thừa kế từ bà Nguyễn Thị C.

Ông H yêu cầu Tòa án: Hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn B. Đề nghị cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Hữu H.

Người bị kiện UBND huyện C trình bày:

Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1819, diện tích 1.900m², loại đất lúa, tờ bản đồ số 01, đất tại ấp 3, xã L, huyện C cho bà Nguyễn Thị C ngày 06/11/1997 là không đúng đối tượng. Ông Nguyễn Văn B được hưởng thừa kế thửa 1819 và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 28/11/2006. Nhưng trên thực tế, thửa đất 1819 ông H sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn B có ông Tô Văn H đại diện trình bày:

Thửa đất 1819 đã cấp giấy chứng nhận cho bà Nguyễn Thị C vào năm 1997, ông Nguyễn Văn B được hưởng thừa kế thửa đất trên và được cấp giấy chứng nhận vào năm 2006. Từ khi được cấp giấy chứng nhận đến nay, phía ông H không khiếu nại, nay ông H khởi kiện yêu cầu hủy quyết định cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp lần đầu, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Nguyễn Thị C, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Văn B là không có căn cứ.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 08/2017/HC-ST ngày 22/02/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Long An quyết định:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu H.

Hủy quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1819 tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C cho bà Nguyễn Thị C.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 470988 cấp ngày 06/11/1997 của thửa 1819, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C do bà Nguyễn Thị C đứng tên.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0026, cấp ngày 28/11/2006 của thửa 1819, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C do ông Nguyễn Văn B đứng tên.

Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1819, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C cho ông Phạm Hữu H.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 01/3/2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Văn B có đơn kháng cáo yêu cầu xem xét lại bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự có ý kiến như sau:

Đại diện người kháng cáo ông Võ Đức T đề nghị hủy bản án sơ thẩm với lý do cấp sơ thẩm đưa thiếu người tham gia tố tụng.

Đại diện người khởi kiện yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu như sau: Đại diện của ông B đề nghị hủy án do không đưa con của bà C vào tham gia tố tụng là không có căn cứ. Đây không phải là vụ án dân sự nên việc đưa những người này vào tham gia tố tụng là không cần thiết. Về nội dung, ông H là người trực tiếp quản lý, sử dụng thửa đất tranh chấp nêu trên. Mặt khác, UBND huyện C cũng cho rằng việc cấp giấy chứng nhận không đúng nên cấp sơ thẩm xét xử hủy giấy chứng nhận đã cấp cho bà Nguyễn Thị C, ông Nguyễn Văn B là đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hình thức: Đơn kháng cáo của ông Đặng Văn Bửu làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Võ Đức T yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do đưa thiếu người tham gia tố tụng. Xét thấy, đây là vụ án hành chính, ông H khởi kiện UBND huyện C yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, không phải là vụ án dân sự. Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ xác định ông H là người trực tiếp canh tác, không phải các con của bà C là bà Y, ông N. Do đó, không cần thiết đưa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Y, ông N vào tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

Thửa đất 1819, diện tích 1.900m² loại đất trồng lúa, tờ bản đồ số 01, tại xã L được Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 0995/QSĐĐ/0509/LA ngày 06/11/1997 cho bà Nguyễn Thị C, năm 2005 bà C chết. Ngày 09/10/2006, ông Nguyễn Văn B làm thủ tục thừa kế từ bà C và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0026 ngày 28/11/2006. Năm 2013, ông H kê khai phần đất ông đang quản lý sử dụng, qua đối chiếu bản đồ địa chính và thực tế ông H phát hiện thửa 1819 ông đang quản lý và sử dụng đã được Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho ông Nguyễn Văn B. Ngày 30/3/2015, ông H có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân huyện C, Phòng Tài nguyên và môi trường huyện về việc cấp giấy chứng nhận cho ông Nguyễn Văn B là không đúng đối tượng. Ngày 03/8/2015, Ủy ban nhân dân xã L có công văn số 33/TTr-UBND trình Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C tham mưu cho Ủy ban nhân dân huyện ra quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng thửa đất 1819 đã cấp sai cho ông B với lý do đối chiếu bản đồ địa chính và tình hình thực tế thì ông H là người quản lý, sử dụng.

Ngày 23/11/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện C kết hợp với Ủy ban nhân xã L tiến hành đo đạc và kiểm tra hiện trạng sử dụng đất đối với thửa 1819 thì thực tế ông B không sử dụng, người trực tiếp sử dụng là ông Phạm Hữu H đang canh tác và được sử dụng lâu đời. Diện tích đo đạc thực tế thửa đất 1819 là 1.585m² loại đất lúa, giảm so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là 315m², nguyên nhân là do quá trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không đo đạc thực tế, cấp bằng không ảnh địa chính nên có sự chênh lệch diện tích thực tế là vị trí đất và hình thể đúng so với bản đồ địa chính.

Đến ngày 14/9/2015, Thanh tra huyện C ban hành Kết luận về việc thẩm tra giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 1819 thì thửa đất trên thực tế không phải là đất của ông Nguyễn Văn B, mà do ông Phạm Hữu H đang trực tiếp sử dụng. Sau khi có kết luận của Thanh tra huyện, Ủy ban nhân dân huyện C có công văn trả lời việc khiếu nại của ông Phạm Hữu H về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Nguyễn Thị C là không đúng. Tuy nhiên, thửa đất 1819 đã được chuyển quyền sử dụng đất bằng hình thức thừa kế từ bà C sang ông B, việc chuyển quyền đã được giải quyết đúng quy định nên Ủy ban nhân dân huyện không thể thu hồi giấy chứng nhận cấp cho ông B.

Từ những tài liệu chứng cứ nêu trên, cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu H là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay, người kháng cáo cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh nào cho việc ông B thực tế quản lý và sử dụng thửa đất 1819, tờ bản đồ số 01, tại xã L nên không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn B.

Tuy nhiên, trong phần Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên hủy quyết định của Ủy ban nhân dân huyện C về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1819 tờ bản đồ số 01, tại xã L cho bà Nguyễn Thị C là không có căn cứ. Bởi lẽ, Ủy ban nhân dân huyện C không ban hành Quyết định nào có nội dung như trên mà chỉ cấp giấy chứng nhận đất số L 470988 cấp ngày 06/11/1997 của thửa 1819, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C cho bà Nguyễn Thị C và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0026 cấp ngày 28/11/2006 của thửa 1819 tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C cho ông Nguyễn Văn B, nên chỉ cần tuyên hủy giấy chứng nhận cấp cho bà Nguyễn Thị C và Nguyễn Văn B là phù hợp pháp luật.

Hơn nữa, Bản án sơ thẩm còn tuyên Ủy ban nhân dân huyện C cấp lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 1819, tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C cho ông Phạm Hữu H là không đúng thẩm quyền vì việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phải theo trình tự thủ tục về pháp luật đất đai và thuộc thẩm quyền của Ủy ban. Việc tuyên án như vậy là vượt quá yêu cầu khởi kiện vì trong quá trình giải quyết vụ kiện ông Phạm Hữu H cũng không yêu cầu Ủy ban cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông. Do vậy, cần sửa lại một phần của bản án sơ thẩm cho đúng quy định pháp luật.

[3] Do sửa một phần bản án sơ thẩm nên ông Nguyễn Văn B không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của ông Nguyễn Văn B. Sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2017/HC-ST ngày 22 tháng 02 năm 2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Hữu H.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số L 470988 cấp ngày 06 tháng 11 năm 1997 của thửa 1819 tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C cho bà Nguyễn Thị C.

Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H 0026 cấp ngày 28 tháng 11 năm 2006 của thửa 1819 tờ bản đồ số 1, đất tọa lạc tại ấp 3, xã L, huyện C cho ông Nguyễn Văn B.

Án phí hành chính sơ thẩm: UBND huyện C phải chịu 200.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm. Hoàn trả 200.000 đồng tạm ứng án phí hành chính sơ thẩm cho ông Phạm Hữu H theo biên lai thu số 0000431 ngày 03/11/2016 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn lại cho ông Nguyễn Văn B 300.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0000678 ngày 01/3/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- NKK (1);
- NBK (1);
- NLQ (1);
- Lưu VP(3), HS (2).13b.NTMD.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Thu Thủy